

Tăng tỷ trọng

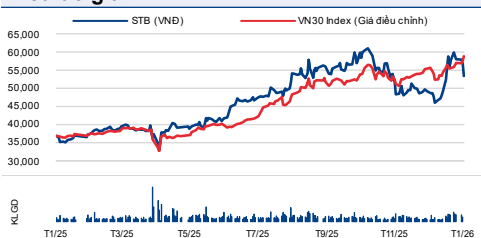
Giá mục tiêu: VNĐ58,400

Tiềm năng tăng/giảm: 9.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (7/1/2026)	53,400
Mã Bloomberg	STB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	33,100-61,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	56,000
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	100,671
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,832
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,885
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	566
Slg CP NN được mua (tr.đv)	128
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	23.2%
Tỷ lệ freefloat	41.9%
Cổ đông lớn	Quỹ đầu tư PYN (5.38%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	748	848	969
Dư nợ cho vay (ntđ)	539	626	726
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	28.7	32.5	37.5
Lợi nhuận thuần (ntđ)	10.1	11.6	14.5
BVPS (đồng)	29,160	34,789	41,242
EPS (đồng)	5,351	6,159	7,682
DPS (đồng)	-	-	-
T.trưởng cho vay KH (%)	11.7	16.0	16.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	9.57	13.4	15.3
Tăng trưởng EPS (%)	30.7	15.1	24.7
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-
ROAE (%)	20.0	19.3	20.2
ROAA (%)	1.42	1.45	1.59
Tỷ lệ NIM (%)	3.65	3.60	3.56
Tỷ lệ CIR (%)	48.8	46.3	44.1
Hệ số CAR (%)	10.1	10.2	10.4
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.40	2.40	2.10
LLR/nợ xấu (%)	68.4	79.1	82.4
Hệ số LDR (%)	95.1	96.4	97.2
P/B (lần)	1.83	1.53	1.29
P/E (lần)	9.98	8.67	6.95
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

STB là một trong những ngân hàng tư nhân có tổng tài sản lớn nhất. Ngân hàng tập trung vào cho vay mua nhà, ô tô, kinh doanh hộ gia đình và các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Trích lập dự phòng mạnh mẽ làm giảm lợi nhuận Q4/2025

- STB lỗ 3,3 nghìn tỷ đồng trong Q4/2025 do trích lập dự phòng lớn. Từ đó, LNTT cả năm 2025 đạt 7,6 nghìn tỷ đồng, giảm 40% và chỉ bằng 53% dự báo cả năm 2025 của chúng tôi.
- Chi phí dự phòng tăng mạnh trong Q4/2025 nhiều khả năng do xử lý khoản nợ lớn liên quan đến Bamboo Airways (BAV) và nợ xấu tồn đọng tính đến cuối Q3/2025, theo chia sẻ trước đó của BLĐ. Các số liệu hoạt động khác vẫn tích cực: Tín dụng tăng trưởng 16%, nguồn vốn tăng trưởng 24%, tỷ lệ NIM đạt 3,45% và hệ số CIR là 24%.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

Sự kiện: Lỗ sơ bộ trong Q4/2025 do chi phí dự phòng lớn

Ngày 7/1/2025, STB đã công bố KQKD sơ bộ cả năm 2025. Lợi nhuận thuần kém tích cực nhưng chủ yếu do chi phí dự phòng vượt đáng kể dự báo. Cụ thể như sau:

- LNTT cả năm 2025 đạt 7,6 nghìn tỷ đồng, giảm 40% so với cùng kỳ và chỉ hoàn thành 53% dự báo cả năm 2025 của chúng tôi. Ngân hàng lỗ 3,4 nghìn tỷ đồng trong Q4/2025, so với lãi 4,6 nghìn tỷ đồng trong Q4/2024, chủ yếu do chi phí dự phòng đặc biệt cao (9 nghìn tỷ đồng trong Q4/2025 (tương đương 80% tổng chi phí dự phòng (11,3 nghìn tỷ đồng) năm 2025)).
- KQKD cốt lõi tốt hơn tương đối so với kỳ vọng: Lợi nhuận trước trích lập năm 2025 vượt 9% dự báo cả năm 2025 của chúng tôi trong khi lợi nhuận Q4 cao hơn 36% so với kỳ vọng.

Tài sản và huy động tăng trưởng vững chắc

Dư nợ tín dụng tăng 16% so với cùng kỳ (tăng 3,3% so với quý trước) đạt 626 nghìn tỷ đồng, nhờ tất cả các phân khúc, bao gồm bán lẻ, DN NVV và khách hàng doanh nghiệp lớn. STB sử dụng toàn bộ hạn mức tăng trưởng được cấp trong năm (16%). Trong khi đó, tổng tài sản đạt 918 nghìn tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ và tăng 8% so với quý trước) tại thời điểm cuối Q4/2025, nhiều khả năng đã phân bổ cho vay LNH và đầu tư.

Tổng vốn huy động tăng 24% so với cùng kỳ đạt 837 nghìn tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 8/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD sơ bộ Q4/2025 của STB

LNTT năm 2025 của STB chỉ bằng 53% dự báo cả năm của chúng tôi, thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% 2025 HSCF
Thu nhập lãi thuần	6,099	5,377	-12%	24,532	26,700	9%	96%
Thu nhập ngoài lãi	1,311	2,360	80%	4,145	5,400	30%	118%
Tổng thu nhập HĐ	7,410	7,738	4%	28,677	32,100	12%	99%
Chi phí HĐ	(3,151)	(1,877)	-40%	(13,982)	(13,100)	-6%	87%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	4,259	5,860	38%	14,695	19,000	29%	109%
Chi phí dự phòng	367	(9,148)		(1,974)	(11,300)	472%	384%
LNTT	4,626	(3,360)	-173%	12,720	7,628	-40%	53%
Tổng tài sản				748,095	918,000	23%	108%
Tổng dư nợ cho vay				539,315	626,000	16%	100%
Tổng nguồn vốn huy động				566,882	837,000	24%	109%
Tỷ lệ NIM				3.65%	3.45% (*)		3.60%

Ghi chú: (*) ước tính.
Nguồn: STB, HSC

Tỷ lệ NIM thu hẹp nhẹ

Thu nhập lãi thuần cả năm 2025 đạt 26,7 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 9% và bằng 96% dự báo cả năm của chúng tôi. Do tổng tài sản vượt dự báo, chúng tôi ước tính tỷ lệ NIM năm 2025 đạt 3,45%, thấp hơn so với dự báo của chúng tôi (3,6%) nhưng sát với kế hoạch của BLĐ công bố trong cuộc họp báo KQKD Q3/2025.

Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động

Tổng chi phí hoạt động giảm 40% so với cùng kỳ xuống 1,8 nghìn tỷ đồng trong Q4/2025, mức theo quý thấp nhất trong nhiều năm qua. Từ đó, hệ số CIR hàng quý giảm xuống 24% từ 36% trong Q3/2025 và 42% trong Q4/2024.

Chi phí dự phòng tăng mạnh trong Q4/2025

STB trích lập 9,1 nghìn tỷ đồng chi phí dự phòng trong Q4, mức đặc biệt cao so với bình quân các quý trong quá khứ (khoảng 700 tỷ đồng). Chúng tôi cho rằng khoản chi phí này bao gồm hai thành phần:

- Trong cuộc họp báo KQKD Q3/2025, BLĐ chia sẻ kế hoạch phân loại lại Bamboo Airways (BAV, Chưa niêm yết) thành nợ xấu với tổng giá trị khoản vay hơn 3 nghìn tỷ đồng và sẽ trích lập đầy đủ khoản vay này.
- STB nhiều khả năng đã xử lý một phần nợ xấu (16,6 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2025), tương đương 2,75% tổng tài sản.

Chi phí dự phòng cả năm 2025 ở mức 11,3 nghìn tỷ đồng, tăng 4,7 lần so với cùng kỳ, mức cao kỷ lục của STB.

Kỳ vọng trong năm 2026

Sau khi ông Nguyễn Đức Thụy được bổ nhiệm làm Quyền Tổng Giám đốc điều hành từ ngày 23/12/2025, chúng tôi kỳ vọng sẽ định hướng chiến lược của STB sẽ chuyển dịch mang tính cấu trúc so với trong giai đoạn tái cấu trúc trước đây. Dựa trên hoạt động của ông Thụy trước đây với tư cách cựu Chủ tịch Ngân hàng Lộc Phát (LPB; Bán ra, giá mục tiêu 25.500đ), chúng tôi cho rằng phương pháp lãnh đạo mới có thể có các đặc tính như sau:

- Theo đuổi các mục tiêu tăng trưởng tham vọng hơn sau khi hoàn tất tái cấu trúc năm 2025.
- Áp dụng chiến lược cho vay mạo hiểm hơn để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, tỷ suất NIM và thu nhập phí.
- Giảm số lượng nhân viên để giảm chi phí hoạt động và nâng cao hệ số CIR.

Theo đó, cho năm 2026, chúng tôi kỳ vọng STB sẽ đặt kế hoạch lợi nhuận tham vọng hơn với tỷ lệ NIM cao hơn, hệ số CIR thu hẹp và chi phí dự phòng giảm xuống.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn

Sau khi công bố KQKD sơ bộ, giá cổ phiếu STB đã giảm 5,8%. STB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,29 lần, cao hơn một chút so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,26 lần.

Với sự xuất hiện của đội ngũ lãnh đạo mới, triển vọng của STB dự kiến sẽ thay đổi trên nhiều khía cạnh, bao gồm chiến lược kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận, quản lý chất lượng tài sản, chính sách cổ tức và thời điểm đầu giá 32,5% cổ phần. Chúng tôi kỳ vọng những thay đổi này sẽ được thông báo chính thức trong những tháng tới, từ đó giúp thị trường có thông tin rõ ràng hơn để đánh giá lại cổ phiếu.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	55.9	50.0	59.0	69.9	81.4
Chi phí lãi	(33.9)	(25.5)	(31.1)	(38.1)	(44.3)
Thu nhập lãi thuần	22.1	24.5	27.9	31.8	37.1
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2.62	2.98	3.29	3.99	4.97
Lãi thuần HĐ KDNH	1.10	1.11	1.11	1.22	1.34
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.03	0.06	0.06	0.07	0.07
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.02	0.00	0.02	0.02	0.02
Thu nhập khác	0.33	0.00	0.12	0.40	0.59
Tổng thu nhập HĐ	26.2	28.7	32.5	37.5	44.1
Chi phí HĐ	(12.9)	(14.0)	(15.1)	(16.5)	(18.2)
LN trước dự phòng	13.3	14.7	17.5	20.9	26.0
Chi phí dự phòng	(3.69)	(1.97)	(2.94)	(2.85)	(3.16)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	9.60	12.7	14.5	18.1	22.8
Chi phí thuế TNDN	(1.88)	(2.63)	(2.90)	(3.62)	(4.56)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	7.72	10.1	11.6	14.5	18.2
EPS (đồng)	4,094	5,351	6,159	7,682	9,671
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	7.55	8.21	11.7	8.96	6.87
Tiền gửi tại NHNN	12.8	17.6	14.6	11.2	12.2
Tiền gửi tại các TCTD khác	50.3	88.2	95.3	103	111
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	475	530	614	713	821
Tổng dư nợ cho vay	483	539	626	726	835
Dự phòng rủi ro	(7.56)	(8.87)	(11.9)	(12.6)	(13.5)
Chứng khoán đầu tư	74.6	85.6	93.6	112	129
CK đầu tư sẵn sàng để bán	22.6	23.6	28.3	33.9	39.0
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	66.7	75.4	80.4	93.5	105
Dự phòng rủi ro	(14.6)	(13.3)	(15.1)	(15.1)	(15.1)
Đầu tư dài hạn	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản cố định	7.27	7.36	7.58	7.80	8.04
Tài sản khác	46.5	10.5	11.4	12.2	13.0
Tổng tài sản	674	748	848	969	1,102
Nợ phải trả	629	693	782	891	1,008
Tiền gửi của NHNN	0.02	0.05	0.06	0.06	0.06
Tiền gửi của các TCTD khác	38.0	70.7	77.7	88.6	94.8
Tổng tiền gửi KH	511	567	649	746	858
Trái phiếu và CCTG	29.0	36.8	38.6	40.5	40.5
Nợ khác	50.5	18.3	16.4	14.8	14.1
Vốn chủ sở hữu	45.7	55.0	65.6	77.8	93.2
Vốn điều lệ	18.9	18.9	18.9	18.9	18.9
Thặng dư vốn cổ phần	1.75	1.75	1.75	1.75	1.75
Lợi nhuận giữ lại	20.4	28.4	37.0	47.0	59.8
Quỹ & vốn khác của CSH	4.75	5.94	7.95	10.1	12.9
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	674	748	848	969	1,102
BVPS (đồng)	24,259	29,160	34,789	41,242	49,462

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	13.9	10.9	13.4	14.2	13.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	10.1	11.7	16.0	16.0	15.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	12.3	11.0	14.5	15.0	15.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	12.3	11.8	13.9	14.4	14.2
Tăng trưởng VCSH (%)	18.4	20.2	19.3	18.5	19.9
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	28.7	11.1	13.9	13.9	16.8
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	17.6	8.48	7.78	9.82	9.82
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(12.5)	10.6	18.8	20.0	23.9
Tăng trưởng LNTT (%)	51.4	32.6	14.1	24.7	25.9
Tăng trưởng LN thuần (%)	53.1	30.7	15.1	24.7	25.9
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.13	4.03	4.08	4.13	4.26
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.04)	(1.97)	(1.89)	(1.82)	(1.76)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	92.4	94.4	97.1	98.3	98.8
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.35	1.41	1.52	1.67	1.88
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	14.0	18.2	21.0	26.2	33.0
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	13.0	9.98	8.67	6.95	5.52
P/B (lần)	2.20	1.83	1.53	1.29	1.08
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác					
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	29.5	35.2	35.7	38.6	41.3
ROAA (%)	1.22	1.42	1.45	1.59	1.76
ROAE (%)	18.3	20.0	19.3	20.2	21.3
Chi phí huy động BQ (%)	6.17	4.07	4.32	4.64	4.74
Lợi suất góp BQ (%)	9.56	7.44	7.62	7.83	7.96
Lợi suất thuần (%)	3.39	3.38	3.30	3.19	3.22
Tỷ lệ NIM (%)	3.77	3.65	3.60	3.56	3.63
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	10.0	10.4	10.1	10.6	11.3
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	84.3	85.5	85.9	84.8	84.2
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	5.67	4.07	4.02	4.54	4.57
Tỷ lệ CIR (%)	49.2	48.8	46.3	44.1	41.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.11	10.1	10.2	10.4	10.8
VCSH/Tổng TS (%)	6.78	7.35	7.73	8.03	8.46
Đòn bẩy vốn (lần)	14.7	13.6	12.9	12.5	11.8
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.28	2.40	2.40	2.10	1.90
Hệ số LLR (%)	68.8	68.4	79.1	82.4	85.0
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	94.5	95.1	96.4	97.2	97.2
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	6.57	10.5	10.2	10.1	9.54
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	71.6	72.1	73.8	74.9	75.8
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	553	553	553	553	553
Số lượng nhân viên	19,358	20,326	21,342	22,409	23,530

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn